

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**QUÝ II NĂM 2013**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II năm 2013		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	24	83.688.955.207	37.339.074.442	138.266.842.072	66.298.239.356
2. Các khoản giảm trừ	2	25	13.425.273.523	2.401.794.835	19.264.048.038	12.787.138.491
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01 - 02)	10	26	70.263.681.684	34.937.279.607	119.002.794.034	53.511.100.865
4. Giá vốn hàng bán	11	27	51.950.096.283	20.659.786.581	88.470.879.465	33.748.097.960
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10-11)	20		18.313.585.401	14.277.493.026	30.531.914.569	19.763.002.905
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	4.317.384.116	20.070.743.997	6.154.869.554	27.568.380.227
7. Chi phí tài chính	22	29	10.074.030.505	23.360.113.238	15.149.306.599	26.035.229.001
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.806.763.985	14.677.024.658	17.548.433.179	23.714.741.690
8. Chi phí bán hàng	24		318.041.110	236.416.334	761.650.919	656.580.381
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.818.156.664	10.333.425.577	18.301.354.416	16.763.528.871
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.420.741.238	418.281.874	2.474.472.189	3.876.044.879
11. Thu nhập khác	31	30	187.027.332	384.410.911	1.660.508.601	973.920.689
12. Chi phí khác	32	31	735.233.267	50.899.908	742.776.921	137.429.980
13. Lợi nhuận khác (40= 31 - 32)	40		(548.205.935)	333.511.003	917.731.681	836.490.709
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30 + 40)	50		872.535.303	751.792.877	3.392.203.870	4.712.535.588
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	(191.240.676)	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	234.134.215	-	234.134.215
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.063.775.979	517.658.662	3.392.203.870	4.478.401.373

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 19 tháng 7 năm 2013



Lê Ngọc Châu



Quan Minh Tuấn



TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ CHÍ HIẾU